

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 561/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-11-2018
V/v: Ly hôn giữa bà M và ông T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Lan

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

Ngày 06-11-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 14-9-2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-DS ngày 19-10-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh 1957

Nơi cư trú tại: Đội A, xóm M, thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh 1957

Nơi cư trú tại: Đội A, xóm M, thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Bà M có mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14-9-2018, quá trình tham gia tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa nguyên đơn bà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 1976 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do cách sống không hợp nhau, đã có lần vợ chồng đánh chửi nhau, bà xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Văn H, sinh năm 1977; Trần Văn T, sinh năm 1979 và Trần Văn T, sinh năm 1980. Các con đã trưởng thành lao động tự lập;

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xác nhận ngày 26-10-2018 vợ chồng bà M có xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; nhưng ông T không đến Tòa án giải quyết, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 1976 tại Ủy ban nhân dân xã Nam P, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian mới phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do cách sống không hòa hợp cho nên vợ chồng đã có lúc đánh chửi nhau, nay không còn quan tâm gì đến nhau, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Ông T đã đến Tòa án theo Giấy triệu tập nhưng từ chối viết bản tự khai; Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục theo qui định của pháp luật, nhưng ông T không đến mà không có lý do gì; chứng tỏ ông T không muốn giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ; nên hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy cần xử lý hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Trần Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị M và ông Trần Văn T có ba con chung là Trần Văn H, sinh năm 1977; Trần Văn T, sinh năm 1979 và Trần Văn T, sinh năm 1980. Các con đều đã trưởng thành lao động tự lập nên không xem xét giải quyết;

[4] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Bà Phạm Thị M đã rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy bà Phạm Thị M thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Trần Văn T;

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị M không phải nộp;

Bà Phạm Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã N;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh